TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

B¶n ¸n sè: 43/2021/HNG§-ST
Ngµy 28-8-2021
V/v:"Tranh chấp
Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Vân

**Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Lâm Giang
2. Ông Nguyễn Quốc Sửu

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Quang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên.

- Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 130/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2021 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 164/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** *Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1999 (có đơn xin xét xử vắng mặt)*

Nơi ĐKHKTT: Thôn Ngùi, xã Việt Ngọc, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang

Hiện trú tại: Thôn Ngọc Lịch, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

**** Bị đơn:*** *Anh Dương Văn H, sinh năm 1996 (có mặt)*

Nơi cư trú: Thôn Ngùi, xã Việt Ngọc, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn xin ly hôn đề ngày 08/6/2021, bản tự khai và biên bản lấy lời khai tiếp theo, các biên bản hòa giải nguyên đơn chị Trần Thị Thu H trình bày:*

Chị và anh Dương Văn H kết hôn ngày 27/9/2019, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Việt Ngọc, huyện Tân Yên. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau tại thôn Ngùi, xã Việt Ngọc. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 11/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, không

hợp nhau, do anh H ham chơi, không chăm lo cho gia đình và tu chí làm ăn, anh H thường xuyên chửi chị vô cớ. Tháng 11/2020 thì chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Trưng Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên sinh sống. Gia đình hai bên đã hòa giải động viên để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không thành. Vợ chồng ly thân nhau từ đó cho đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Dương Gia Hưng, sinh ngày 06/05/2020. Khi chị về nhà bố mẹ đẻ có mang theo cháu Hưng và nuôi dưỡng cháu Hưng nhưng đến tháng 5/2021 anh H đến đón cháu Hưng mà không nói gì với chị và gia đình chị. Sau đó có một số lần chị có về thăm và xin đón cháu Hưng thì gia đình anh H ngăn cản không cho chị đón cháu và còn chửi bới chị. Ly hôn chị nhận nuôi dưỡng con chung là cháu Hưng vì hiện cháu còn nhỏ cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ, chị yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cho chị là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Hưng đủ 18 tuổi. Hiện chị đang làm công nhân tại công ty Ladoda thu nhập bình quân 5-6 triệu đồng/tháng, có đủ điều kiện nuôi con. Chị ở cùng trên đất của bố mẹ chị, bố mẹ vẫn cùng chị chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Hưng.

Tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Vợ chồng chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Trần Thị Thu H có đơn xin xét xử vắng mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

* Đối với anh Dương Văn H là bị đơn trong vụ án trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các giấy tờ nhưng tại các buổi hòa giải, làm việc của Tòa án anh H đều vắng mặt không có lý do và Tòa án đã thông báo cho anh H về việc các chứng cứ Tòa án đã thu thập có trong vụ án, yêu cầu cung cấp bản tự khai và những tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án nếu có yêu cầu nhưng anh H không có ý kiến gì và không cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho quyền lợi của mình.

Tại phiên tòa hôm nay anh Dương Văn H có mặt trình bày:

Anh nhất trí với yêu cầu khởi kiện của chị H. Anh xác định anh và chị H kết hôn ngày 27/9/2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Việt Ngọc, huyện Tân Yên. Sau khi kết hôn thì vợ chồng về chung sống với nhau ở thôn Ngùi, xã Việt Ngọc. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 11/2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, lý do mâu thuẫn là bất đồng quan điểm sống, chị H đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, hai vợ chồng ly thân nhau từ đó cho đến nay, gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Nay chị H có đơn xin ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là Dương Gia Hưng, sinh ngày 06/05/2020. Trước đây anh có đón cháu về chăm sóc nhưng hiện nay anh đã đưa về cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Hưng. Ly hôn anh nhất trí để cho chị H nuôi dưỡng con chung và anh cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H là 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 9/2021 cho đến khi cháu Hưng đủ 18 tuổi. Hiện anh đang

buôn bán tự do tại nhà thu nhập khoảng hơn 10.000.000 đồng/tháng đủ điều kiện cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Vợ chồng anh không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Nguyên đơn chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh H có mặt chấp hành đúng quy định của pháp luật. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110; Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Thu H được ly hôn với anh Dương Văn H.

Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Thu H nuôi dưỡng con chung là Dương Gia Hưng, sinh ngày 06/05/2020. Anh Dương Văn H cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H là 1.000.000 đồng/01tháng, kể từ tháng 9 năm 2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; ruộng canh tác; công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị H, anh H xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

Về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị Trần Thị Thu H và anh Dương Văn H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Trần Thị Thu H vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn và giải quyết con chung của nguyên đơn chị Trần Thị Thu H, Hội đồng xét xử thấy:

* Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị H và anh H xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Việt Ngọc, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng và được coi là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy chị H và anh

H sau khi về chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian ngắn thì tháng 11/2020 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, do anh H ham chơi, không chăm lo cho gia đình và tu chí làm ăn. Đến tháng 11/2020 thì chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Trưng Trắc, Văn Lâm, Hứng Yên sinh sống. Gia đình hai bên đã hòa giải động viên để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không thành. Vợ chồng chị H, anh H ly thân nhau từ đó cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai chị H xác tình tình cảm vợ chồng không còn. Tại phiên tòa anh H xác định vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không thành, anh và chị H ly thân nhau từ tháng 11/2020 không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Chị H yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

Mặt khác, theo xác minh tại địa phương xác định chị H, anh H có mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và lối sống dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi nhau, chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, chị H và anh H ly thân nhau từ tháng 11/2020 cho đến nay. Vì vậy, xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn ly hôn của chị H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

* Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H xác định vợ chồng có 01 con chung là Dương Gia Hưng, sinh ngày 06/05/2020. Ly hôn chị nhận nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh Hưng cấp dưỡng nuôi con chung cho chị là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Hiện chị đang làm công nhân tại công ty Ladoda thu nhập bình quân 5-6 triệu đồng/tháng, có đủ điều kiện nuôi con, chị ở cùng trên đất của bố mẹ chị, bố mẹ vẫn cùng chị chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Hưng. Cháu Hưng mới được hơn 01 tuổi còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ. Quá trình giải quyết vụ án anh H đã được Tòa án giao trực tiếp các văn bản tố tụng và thông báo cho anh H biết về yêu cầu giải quyết nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung nhưng anh H không có ý kiến gì đối với yêu cầu này của chị H. Tại phiên tòa anh H có mặt trình bày anh nhất trí để cho chị H chăm sóc nuôi dưỡng con chung và anh cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Hưng đủ 18 tuổi. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu xin nuôi dưỡng con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị H và giao cháu Hưng cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu Hưng và anh H có thu nhập, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 9/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp quy định tại Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn, anh Dương Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh H thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

* Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị H, anh H xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110; Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân gia đình;

Điều 28; Điều 35; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Thu H được ly hôn với anh Dương Văn H.

[2]. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Thu H nuôi dưỡng con chung là Dương Gia Hưng, sinh ngày 06/5/2020. Anh Dương Văn H cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H là 1.000.000 đồng/01tháng, kể từ tháng 9 năm 2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh Dương Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung nêu trên thì hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[3].Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị H xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4]. Án phí: Chị Trần Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu số AA/2020/0000325 ngày 24/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Chị Trần Thị Thu H còn phải nộp 300.000 đồng số tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

[5]. Quyền kháng cáo:

Bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nguyên đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cường chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS Tân Yên;
- UBND xã Việt Ngọc;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẮC GIANG **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 28 tháng 8 năm 2021.

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Tân Yên

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Lâm Giang

Ông Nguyễn Quốc Sửu

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 130/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2021 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa:

**** Nguyên đơn:*** *Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1999 (có đơn xin xét xử vắng mặt)*

Nơi ĐKHKTT: Thôn Ngùi, xã Việt Ngọc, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang

Hiện trú tại: Thôn Ngọc Lịch, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

**** Bị đơn:*** *Anh Dương Văn H, sinh năm 1996 (có mặt)*

Nơi cư trú: Thôn Ngùi, xã Việt Ngọc, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về áp dụng pháp luật:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110; Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân gia đình;

Điều 28; Điều 35; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Thu H được ly hôn với anh Dương Văn H.

Kết quả biểu quyết: 3/3

3. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Thu H nuôi dưỡng con chung là Dương Gia Hưng, sinh ngày 06/5/2020. Anh Dương Văn H cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H là 1.000.000 đồng/01tháng, kể từ tháng 9 năm 2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh Dương Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung nêu trên thì hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

4. Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị H, anh H xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Kết quả biểu quyết: 3/3

5. Án phí:

Chị Trần Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu số AA/2020/0000325 ngày 24/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Chị Trần Thị Thu H còn phải nộp 300.000 đồng số tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Kết quả biểu quyết: 3/3

6. Quyền kháng cáo:

Bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nguyên đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 28 tháng 8 năm 2021.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân